

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 11 Và một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 12 năm 2017

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 11

Điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi phát triển, các loại dịch bệnh nguy hiểm không phát sinh, sản lượng thủy sản nuôi và khai thác đều đạt cao hơn cùng kỳ, nhất là sản lượng tôm nuôi; giá cá lóc, gia cầm tăng trở lại, giá lúa, tôm duy trì ở mức cao; nông dân tập trung vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị tốt cho vụ Đông Xuân 2018; công tác tư vấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được thực hiện; các công tác chuyên môn thực hiện đạt theo tiến độ. Tuy nhiên, giá dừa khô giảm mạnh, giá cá tra, heo hơi vẫn ở mức thấp; triều cường dâng cao kết hợp sóng lớn làm sạt lở một số đoạn kè và bờ biển xã Hiệp Thạnh. Nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là nỗ lực vượt khó của nông dân nên tiếp tục đạt được kết quả khả quan:

1. Kết quả sản xuất và phòng, chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Cây lúa: Thu hoạch 6.700 ha lúa Thu đông, đạt 8,3% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,4 tấn/ha, tương đương cùng kỳ. Diện tích nhiễm sâu bệnh 4.438 ha, gồm đạo ôn lá 1.673 ha, tỉ lệ phổ biến 5-10%; rầy nâu 474 ha, mật số từ 750-3.000 con/m² (cục bộ có 104 ha mật số từ 1.500-3.000 con/m²); chuột gây hại 888 ha, tỉ lệ 1-5%; còn lại là một số loại sâu bệnh khác, mức độ gây hại không đáng kể.

Gieo trồng 3.510 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác. Nâng diện tích gieo trồng các loại cây này đến nay 52.052 ha, đạt 93,8% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 592 ha), gồm: Màu lương thực 6.637 ha; màu thực phẩm 27.786 ha, cây công nghiệp ngắn ngày 12.239 ha và cây hàng năm khác 5.389 ha; đã thu hoạch 45.105 ha, ước sản lượng trên 1.184 ngàn tấn, cao hơn cùng kỳ 11.045 tấn. Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát liên kết xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ ớt với diện tích 14,75 ha, đã thu mua 24.338 kg.

Tổ chức 55 lớp tập huấn, hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên lúa cho 1.995 lượt nông dân. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 173 lớp cho 5.181 lượt người; vận động nông dân tiến hành đặt 2.900 kg thuốc sinh học phòng trừ chuột.

Kết hợp thực hiện mô hình phòng, chống hạn mặn trên cây ăn trái, diện tích 0,6 ha. Nhân nuôi 54.000 ong ký sinh, nâng tổng số đến nay 391.720 ong ký sinh; tổ chức 01 chuyên khám bệnh lưu động trên cây trồng có 71 nông dân mang bệnh

phẩm đến tư vấn, nâng tổng số đến nay đã tổ chức 11 chuyến có 428 nông dân đem bệnh phẩm đến tư vấn.

b) Chăn nuôi – thú y:

Chăn nuôi: Giá heo hơi vẫn ở mức thấp (từ 26.000 - 28.000 đồng/kg), người nuôi không có lãi, nên lượng tái đàn ít.

Tiêm phòng cúm 53.545 gia cầm, tiêm LMLM 846 gia súc, phòng các bệnh thường xuyên 80.430 gia súc, phòng dại chó, mèo 1.005 con và các bệnh khác 142.782 con; kiểm dịch 23.526 gia súc, 143.926 gia cầm và 40 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tiêm phòng cúm 2,7 triệu gia cầm, đạt 91,6% so diện tiêm; tiêm LMLM 31.184 gia súc (bò 28.838 con, đạt 28,9%), tiêm phòng các bệnh thường xuyên 886.326 gia súc (dịch tả 292.977 con, đạt 81,4%, tụ huyết trùng 295.967 con, đạt 82,2%, phó thương hàn 297.382 con, đạt 82,6%); phòng dại chó, mèo 9.052 con và các bệnh khác 1,3 triệu con; kiểm dịch 413.268 gia súc; 4,5 triệu gia cầm và 693 tấn sản phẩm.

Đã cấp cho các huyện, thị xã, thành phố 8.683 lít hóa chất để thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng đợt 2; kết quả đã sử dụng 4.762 lít hóa chất phun xịt trên 08 triệu m² chuồng trại của 146.091 lượt hộ.

Hỗ trợ đầu tư 120 công trình khí sinh học, 01 bình chứa nitơ, đào tạo 04 dẫn tinh viên. Nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ mua 35 con heo, bò đực giống, xây dựng 4.889 công trình khí sinh học, 1.636 liều tinh, 49 bình nitơ lỏng, đào tạo 28 dẫn tinh viên.

c) Lâm nghiệp:

Thực hiện 93 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 01 trường hợp vi phạm; cấp 02 chứng nhận nuôi động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay thực hiện 920 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 05 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định; cấp 12 giấy chứng nhận nuôi động vật hoang dã; tổ chức 22 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cho 660 lượt hộ sống tiếp giáp với rừng; tận thu 1.198 m³ gỗ thiệt hại do nấm bệnh và thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp.

Kết hợp với Công ty An Nam Phát xây dựng phần mềm quản lý bảo vệ rừng; khảo sát địa điểm bố trí trồng rừng thay thế cho các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng các công trình công cộng, diện tích 15,6 ha; khảo sát đề xuất giải pháp chống sạt lở khu vực Vàm Bên Tranh, xã Định An, huyện Trà Cú.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch 16.898 tấn. Nâng tổng sản lượng đã thu hoạch 176.279 tấn (vượt 3,9% kế hoạch), tăng 20.900 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

Thả nuôi 530 ha, thu hoạch 11.786 tấn. Nâng diện tích đã thả nuôi 47.199 ha (vượt 9,7% kế hoạch), thu hoạch 105.175 tấn (vượt 3,83% kế hoạch), cao hơn cùng kỳ 11.961 tấn, cụ thể:

- Vùng nước mặn, lợ thả nuôi 87 ha (47,3 triệu con giống), thu hoạch 3.281 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 43.702 ha (5,34 tỷ con giống), gồm: Tôm sú 24.111 ha (1,73 tỷ con giống), tôm chân trắng 6.238 ha (3,49 tỷ con giống), cua biển 12.685 ha (113 triệu con giống); thu hoạch 48.679 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.087

tấn), gồm: Tôm sú 11.507 tấn (tăng 140 tấn), tôm chân trắng 28.953 tấn (tăng 6.631 tấn), cua biển 5.799 tấn (giảm 1.253 tấn), còn lại là các loại khác.

- Vùng nước ngọt thả nuôi 443 ha (30,3 triệu con giống), thu hoạch 8.505 tấn, nâng đến nay thả nuôi 3.498 ha (226 triệu con giống), gồm: Cá lóc 275 ha, tôm càng xanh 1.104 ha, còn lại là cá các loại; thu hoạch 56.496 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.804 tấn), gồm: Cá lóc 24.933 tấn (giảm 1.666 tấn), cá tra 16.909 tấn (tăng 7.121 tấn), tôm càng xanh 704 tấn (tăng 333 tấn), còn lại là các loại khác.

Tăng cường cán bộ kỹ thuật xuống địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát dịch bệnh nhằm chủ động phòng, chống. Kiểm dịch 745 triệu con tôm giống; thực hiện 81 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 190 mẫu giáp xác (89 mẫu tôm) phân tích phục vụ nuôi thủy sản, kết quả 21 mẫu nhiễm đốm trắng, 15 mẫu nhiễm vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp.

Khai thác 5.112 tấn (873 tấn tôm), nâng sản lượng khai thác lên 71.105 tấn (9.981 tấn tôm), vượt 3,9% kế hoạch (tăng 8.940 tấn), gồm: Khai thác nội đồng 10.705 tấn (3.135 tấn tôm), khai thác biển 60.399 tấn (6.846 tấn tôm).

Các doanh nghiệp thu mua 1.356 tấn (tôm sú 105 tấn, tôm thẻ 703 tấn), chế biến 786 tấn, tiêu thụ 651 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,1 triệu USD. Nâng tổng số đến nay sản lượng các doanh nghiệp thu mua 14.132 tấn thủy sản (tôm sú 1.279 tấn, tôm thẻ 7.397 tấn), chế biến 8.075 tấn, tiêu thụ 6.464 tấn, kim ngạch xuất khẩu 42,8 triệu USD.

2. Phát triển nông thôn:

a) Công tác xây dựng nông thôn mới:

Các địa phương lồng ghép tuyên truyền cho 13.541 lượt người về tiêu chí nông thôn mới, tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, vận động người dân trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng. Nâng tổng số tuyên truyền cho 97.398 lượt người, công nhận 206 ấp nông thôn mới, chiếm 30,2%, (giảm 8 ấp); 133.062 hộ, chiếm 59,6% số hộ phát động, (giảm 5.305 hộ), nguyên nhân do rà soát ấp, hộ theo tiêu chuẩn mới được ban hành tại Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 28/4/2017. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 24 xã đạt 19/19 tiêu chí, 4 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 27 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 30 xã dưới 10 tiêu chí.

Tham mưu phân bổ 186,9 tỷ đồng (vốn Trung ương 116,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 70 tỷ đồng) cho các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, đã giải ngân 100 tỷ đồng.

b) Ngành nghề nông thôn: Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ngành, địa phương dự thảo Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

c) Chương trình bố trí dân cư:

Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng và nghiệm thu theo tiến độ, giải ngân 18,5 tỷ đồng, đạt 84,2% kế hoạch.

Kết hợp UBND xã Trường Long Hòa và xã Hiệp Thạnh di dời 64 hộ dân vào nơi ở mới an toàn. Phối hợp địa phương khảo sát, bàn phương án hỗ trợ di dời khẩn cấp 11 hộ dân trong khu vực sạt lở nguy hiểm thuộc ấp Vàm Bến Tranh, xã Định An, huyện Trà Cú.

d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục triển khai thực hiện 3 dự án gồm nâng cấp nhà máy nước sạch xã Đại Phước; nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch xã An Trường; mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long; trong đó đã hoàn thành 2 dự án; hoàn thành việc sửa chữa duy tu, bảo dưỡng các trạm cấp nước 134, giải ngân 988 triệu đồng. Trong tháng, đã lắp đặt cho 1.642 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp cho 104.719 hộ.

e) Kinh tế tập thể:

Vận động thành lập mới 02 HTX, lũy kế đến nay có 64 HTX nông nghiệp; hoàn chỉnh ban hành 03 Kế hoạch xây dựng mô hình HTX kiểu mới, lũy kế đến nay đã ban hành 11/12 Kế hoạch xây dựng mô hình HTX kiểu mới giai đoạn 2017 – 2020. Trình Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về khẩu hiệu tuyên truyền xây dựng HTX kiểu mới

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Thông qua Hội đồng thẩm định dự án rà soát, bổ sung quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Chuẩn bị thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch chăn nuôi, giết tập trung, qui hoạch vùng nguyên liệu mía.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:

Xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch đánh giá hiện trạng vận hành của các hệ thống công trình thủy lợi và khả năng mở rộng cung cấp các dịch vụ về thủy lợi

Xây dựng dự thảo Nghị quyết phát triển mỗi xã, phường, thị trấn ít nhất có một sản phẩm chủ lực đến năm 2030.

Tổng hợp báo cáo tổng kết ngành năm 2017, kế hoạch năm 2017; sơ kết sản xuất lúa Thu Đông 2017-2018 và kế hoạch sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2017-2018; tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học công nghệ và Luật khoa học công nghệ năm 2017; đề xuất danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

Các địa phương tổ chức thực hiện 98 công trình thủy lợi nội đồng. Nâng tổng số đến nay các địa phương tổ chức thực hiện 676 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 458.404 m, khối lượng trên 1,51 triệu m³, vượt 25,3%.

Khảo sát các khu vực bị sạt lở bờ sông Cỏ Chiên xã Long Đức thành phố Trà Vinh, sạt lở khu vực chợ thủy sản Hòa Minh, sạt lở khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ; khu sạt lở thuộc ấp Vàm Bến Tranh, xã Định An; khảo sát hiện trường sạt lở đường đê ven sông Thâu Râu, huyện Cầu Ngang, trình Sở Tài chính hỗ trợ từ nguồn kinh phí Quỹ phòng, chống thiên tai hỗ trợ địa phương gia cố.

Trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xử lý sụp lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018.

Tổ chức 16 đợt kiểm tra đê điều, kết quả có 01 trường hợp xây dựng nhà vi phạm hành lang bảo đê, nâng tổng số đến nay tổ chức 169 đợt kiểm tra, phát hiện xử lý 23 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Nghiệm thu kỹ thuật 6 kênh cấp II trên địa bàn huyện Tiểu Cần.

Tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai và báo cáo theo quy định, tham mưu đề xuất xử lý khi có tình huống xảy ra. Tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống thiên tai ban hành Công điện chỉ đạo công tác ứng phó với áp thấp nhiệt đới và bão số 12. Theo dõi, tổng hợp thu, nộp quỹ phòng chống thiên tai đến nay được 3,6 tỷ đồng, đạt 32%.

Triều cường dâng cao làm sụp lún kè Hiệp Thạnh, diện tích 18m², sâu 0,4m (từ khóa đầu kè giai đoạn II hướng về Vàm Láng Nước khoảng 40m); sạt lở 02 vị trí bờ biển Hiệp Thạnh. Vị trí 01 tiếp giáp với bờ rọ đá đoạn khóa đầu kè sạt lở chiều dài 70m, sâu 2-3m, chính quyền địa phương phối hợp với bộ đội biên phòng đã tiến hành gia cố tạm thời; vị trí 02 tại Ấp chợ, xã Hiệp Thạnh gần trạm kiểm soát biên phòng sạt lở chiều dài 120m, sâu 1,5-2m, trong đó có 50m có nguy cơ sạt lở nghiêm trọng ảnh hưởng đến sản xuất của người dân.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện 19 dự án (02 dự án khởi công mới, 14 dự án chuyên tiếp, 03 dự án hoàn thành), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 03 công trình phục vụ trồng trọt; 04 công trình đê, kè; 07 công trình dân dụng, đã giải ngân 180,8 tỷ đồng, đạt 57,2% kế hoạch.

f) Công tác quản lý nhà nước chuyên ngành:

Tổ chức đoàn kiểm tra chuyên ngành kiểm tra đột xuất tại cơ sở kinh doanh thịt bò Hai Nhã trên địa bàn huyện Cầu Kè, kết quả cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, giấy xác nhận đủ sức khỏe và giấy tập huấn kiến thức ATTP. Đoàn đã lập biên bản cam kết khắc phục trong 30 ngày, các cơ sở đều khắc phục tốt, đúng quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá, phân loại 56 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại 39A, 14B; cấp 18 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 30 giấy xác nhận kiến thức ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh nông thủy sản. Nâng tổng số đến nay thanh, kiểm tra liên ngành về ATTP tại 143 cơ sở, kết quả 119 cơ sở vi phạm về thủ tục hành chính và buộc hủy tại chỗ gần 03 tấn mì gói, bánh kẹo các loại, 6,26 lít nước ngọt, sữa và 27 kg chả cá chứa hàn the; kiểm tra, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm 394 lượt cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh, kết quả xếp loại 235A, 101B; cấp 138 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản và 260 giấy xác nhận kiến thức ATTP và 18 giấy xuất xứ ngêu.

Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 26 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 08 tàu, đăng ký 07 tàu, cấp 07 sổ danh bạ (141 thuyền viên); cấp 06 giấy phép khai thác thủy sản; cấp 04 giấy phép chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 492 tàu, cấp văn bản đóng

mới, cải hoán 143 tàu, đăng ký 176 tàu, cấp 186 sổ danh bạ (893 thuyền viên), cấp 416 giấy phép khai thác thủy sản, 12 giấy chứng nhận ATTP; cấp 100 giấy phép chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; toàn tỉnh có 1.189 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 130.556 CV (281 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.620 lượt tàu, xe, bốc dỡ 2.386 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 154 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu tiền dịch vụ sử dụng cảng 18.430 lượt tàu, xe, bốc dỡ 26.606 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 1,33 tỷ đồng.

Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 08 cuộc thanh tra về an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với 97 cá nhân, tổ chức; lấy 20 mẫu thịt heo, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi để kiểm tra chất lượng; phát hiện 21 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nâng tổng số tổ chức 86 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 2.274 cá nhân, tổ chức; lấy 206 mẫu vật tư nông nghiệp, nông sản, thủy sản, thực phẩm, sản phẩm động vật để kiểm tra chất lượng; ban hành 165 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

g) Công tác khuyến nông và công tác giống:

Tổ chức 111 lớp tập huấn cho 3.766 lượt người, trực tiếp tư vấn cho 943 lượt hộ; tổ chức 10 cuộc hội thảo, tổng kết và tham quan mô hình. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 514 lớp tập huấn cho 15.748 lượt hộ; trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho 10.495 lượt hộ; tổ chức 27 cuộc tổng kết, hội thảo, kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 04 cuộc tọa đàm và 03 bản tin thời sự. Tiếp tục thực hiện các mô hình trình diễn như: Mô hình luân canh lúa - tôm thẻ, trồng cà chua theo hướng an toàn sử dụng màng phủ nông nghiệp, trồng bắp lai, khảo nghiệm giống đậu phộng mới, trồng đậu xanh trên đất lúa kém hiệu quả, xây dựng cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa, nuôi gà Ai cập chuyên trứng, chăn nuôi gà sinh sản, gà thịt, vịt đẻ trứng kết hợp nuôi cá theo hướng an toàn sinh học, nuôi tôm càng xanh sử dụng thức ăn công nghiệp, nuôi cá thát lát còm kết hợp cá tra, nuôi tôm sú ghép với cá măng, nuôi tôm sú bán thâm canh đảm bảo ATTP, nuôi sò huyết, vọp ven sông, nuôi vọp dưới tán rừng, nuôi cua luân canh trong ao tôm sú, tôm thẻ,...

Vụ Thu đông - mùa khảo nghiệm 04 bộ giống lúa (28 giống), diện tích 0,4 ha, hiện lúa đang trong giai đoạn đòng trổ, phát triển bình thường; kết hợp tổ chức sản xuất và nhân giống lúa cấp xác nhận 1, diện tích 8,5 ha, hiện đang giai đoạn đòng trổ; nhập 650 cây giống các loại, cung ứng 2,5 tấn lúa giống, 971 cây giống các loại. Nâng đến nay đã ghép 2.120 nhánh bưởi da xanh, ươm 840 trái dứa giống; nhập 12.494 cây giống các loại, cung ứng 76,3 tấn lúa giống cấp xác nhận, cung ứng 11.740 cây giống các loại. Thực hiện mô hình trồng bưởi da xanh (S1) tạo nguồn cây đầu dòng, diện tích 01 ha, xuống giống được 66 ngày, phát triển tốt.

Nghiệm thu kết thúc các mô hình thủy sản các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch, bổ sung và hoàn chỉnh qui trình kỹ thuật các đối tượng như: tôm càng xanh, tôm thẻ, lươn đồng, lúa,... đưa vào sản xuất và khuyến cáo người dân trong việc áp dụng kỹ thuật mới. Cung ứng 350 ngàn con tôm càng xanh toàn đực,

1.500 kg cá giống các loại. Nâng tổng số đến nay đã điều tiết, cung ứng trên 26,64 triệu con tôm các loại, 1,6 triệu con cua biển, 9,6 tấn cá giống các loại.

Nghiệm thu kết thúc 02 Mô hình "Gà tàu vàng lai gà nòi", qui mô 500 con/mô hình thực hiện tại 02 huyện Cầu Ngang và Tiểu Cần các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch; tiếp tục triển khai mô hình: "Chăn nuôi gà tàu vàng thả vườn sinh sản (dòng bố mẹ)", số lượng 300 con, 40 ngày tuổi, phát triển tốt.

h) Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017: Các đơn vị được phân công hỗ trợ đang hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện các công việc như sau:

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm cho 44 cán bộ xã; phối hợp tập huấn đeo vòng nhận diện theo Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo cho các hộ tham gia; thành lập HTX trồng rau màu an toàn Tân Bình.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi bò vỗ béo và vùng an toàn dịch bệnh LMLM gia súc tại xã Ngãi Xuyên. Đã tiêm phòng LMLM cho 1.797 gia súc, đạt 53% tổng đàn; vận động chuyển 19,7 ha nuôi cá lóc kém hiệu quả sang nuôi tôm thẻ chân trắng, chuyển đổi 27,85 ha vườn nhãn kém hiệu quả sang trồng bưởi da xanh.

Chi cục Thủy sản đã tổ chức 04 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật nuôi trồng thủy sản, cho 125 lượt; tổ chức 08 lớp tập huấn kỹ thuật cho 223 lượt hộ (05 lớp VietGAP cho 140 hộ, 03 lớp chăn nuôi cho 83 hộ). Thực hiện 02 mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực, diện tích 0,8 ha, đã thả giống được 110 ngày, phát triển bình thường. Xây dựng một pano tuyên truyền quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Chi cục Trồng trọt và BVTV tư vấn, hướng dẫn nông dân tăng cường sử dụng phân hữu cơ cho cây cam sành, nhằm hạn chế dịch bệnh và kéo dài tuổi thọ; thả 5.000 con ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục trái bưởi.

Trung tâm Khuyến nông tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng cho 30 nông dân; xây dựng mô hình luân canh tôm – lúa, diện tích 01 ha, thả nuôi 400 ngàn con tôm thẻ chân trắng, đã thu hoạch, lợi nhuận 117,5 triệu đồng. Vận động nông dân chuyển đổi từ sản xuất 2 vụ lúa sang 1 vụ lúa và 1 vụ thủy sản.

Chi cục Kiểm lâm kết hợp huyện tổ chức 13 cuộc tập huấn kỹ thuật cho 330 lượt người; vận động chuyển đổi hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến sang nuôi tôm thâm canh; thực hiện 05 mô hình nuôi vịt biển số lượng 4.000 con. Phát quà hỗ trợ gia đình chính sách, hỗ trợ học sinh đầu năm học 1,6 triệu đồng.

Chi cục Phát triển nông thôn kết hợp Công ty lương thực Trà Vinh hợp đồng tiêu thụ 186 ha lúa, thu mua 454 tấn; hỗ trợ HTX Phú Cần liên kết sản xuất, tiêu thụ 500 ha lúa hữu cơ; tập huấn củng cố tổ hợp tác cho 45 hộ dân với doanh nghiệp.

Trung tâm Giống tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật ương, thuần dưỡng giống tôm sú, tôm thẻ, cua biển cho 60 lượt người.

Phòng Chính sách và Thông tin kết lựa chọn mô hình, xây dựng kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu; hỗ trợ tìm đầu mối tiêu thụ rau màu, gà, heo tuy nhiên địa phương không đáp ứng được yêu cầu của đối tác.

3. Tồn tại, hạn chế:

Giá cả đầu ra một số sản phẩm chăn nuôi ở mức thấp gây khó khăn cho việc định hướng đầu tư tái đàn.

Công tác quản lý nhà nước về giống, vật tư đầu vào cho sản xuất gặp nhiều khó khăn; tình trạng vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm còn xảy ra, các cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn thực phẩm.

Việc xây dựng, phê duyệt dự án và dự toán chi tiết nguồn vốn phân bổ hỗ trợ xây dựng hợp tác xã kiểu mới còn chậm, do chưa thống nhất các định mức áp dụng để xây dựng dự toán, chỉnh sửa bổ sung nhiều lần. Phần lớn các hợp tác xã chưa xây dựng phương án hoạt động hàng năm; sổ sách kế toán chưa đúng theo yêu cầu; vốn chủ sở hữu chưa đạt theo tiêu chí quy định.

Tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ đê và Luật đê điều vẫn còn xảy ra; tình trạng sạt lở kè, bờ biển xã Hiệp Thạnh thường xuyên xảy ra nhưng chưa được xử lý kịp thời.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 12

1. Sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt – bảo vệ thực vật:

Hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa còn lại trên đồng, tuyên truyền, vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị các loại sâu bệnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu,...; hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa vụ Đông Xuân theo lịch thời vụ.

Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị sâu bệnh gây hại trên các loại cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác; kết hợp địa phương thống nhất diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây màu vụ mùa 2017, triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2018 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết Nguyên đán.

Theo dõi chặt chẽ các điểm dự tính dự báo trên các loại cây trồng; kiểm tra tình hình rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn trên lúa để chủ động xây dựng kế hoạch phòng trừ; tổ chức điều tra giá thành sản xuất lúa vụ Thu đông. Điều tra thống kê diện tích bệnh chổi rồng trên cây nhãn, chôm chôm; bộ cánh cứng hại dừa, đốm nâu trên cây thanh long theo định kỳ.

b) Chăn nuôi thú y: Rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, triển khai hướng dẫn, đánh giá tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh các chứng từ thanh quyết toán tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường đợt 2 năm 2017; triển khai hỗ trợ địa phương thực hiện Quyết định 50; tập trung giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi vào thời điểm giao

mùa; phối hợp địa phương vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho đàn vật nuôi.

c) Lâm nghiệp: Chuẩn bị công tác phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2017 – 2018; tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã. Triển khai Phương án phối hợp trong thực hiện chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học; triển khai Kế hoạch phối hợp bảo tồn linh trưởng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

d) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2017; tổ chức Hội nghị tổng kết thủy sản năm 2017 và triển khai kế hoạch 2018; ban hành hướng dẫn tạm thời điều kiện nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản. Kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện thu mẫu giáp sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi.

2. Phát triển nông thôn:

Hướng dẫn, đôn đốc các xã dự kiến đạt 19/19 tiêu chí theo kế hoạch; tiếp tục triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, phấn đấu giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ; tăng cường công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn địa phương báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; tổ chức tập huấn các chuyên đề về nông thôn mới năm 2017 cho các Sở, ngành tỉnh, BCD các huyện, thị xã, thành phố và BCD các xã (dự kiến 85 lớp); kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục theo dõi tiến độ các dự án thuộc chương trình bố trí dân cư; kết hợp địa phương kiểm tra tiến độ xây nhà của 64 hộ dân và chi hỗ trợ theo qui định. Duy trì hoạt động 163 trạm cấp hiện có; tiếp tục triển khai thực hiện các dự án mở rộng tuyến ống cấp nước và nâng cấp nhà máy nước sạch; triển khai lắp đặt 900 đồng hồ nước cho hộ dân nông thôn.

3. Công tác chuyên ngành:

Hoàn chỉnh trình phê duyệt các quy hoạch: Nuôi tôm nước lợ; rà điều chỉnh bổ sung quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía; quy hoạch chăn nuôi, giết tập trung. Thông qua hội đồng thẩm định quy hoạch thủy lợi.

Tổ chức 30 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển và tư vấn kỹ thuật theo nhu cầu của địa phương; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn thực hiện các mô hình đang thực hiện; tổ chức Hội thảo về giải pháp quản lý trong nuôi tôm thẻ siêu thâm canh; hội thảo, tổng kết và nghiệm thu, đánh giá các mô hình đang

thực hiện; triển khai Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh.

Tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu dư lượng, kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản; thu mẫu giám sát chuỗi an toàn thực phẩm; tổ chức thanh tra chuyên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn các tiêu chí đủ điều kiện sản xuất rau an toàn cho 02 HTX nông nghiệp Hiệp Mỹ Tây huyện Cầu Ngang và Hưng Mỹ huyện Châu Thành ; tham dự Hội chợ xúc tiến thương mại tại Cần thơ và Hội thảo Hội chợ xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến thực phẩm tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo đề cương Đề án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025; hoàn thành dự thảo Đề án mỗi xã, phường mỗi xã một sản phẩm; tổ chức 03 lớp tập huấn thành lập mới HTX; báo cáo sơ kết triển khai luật HTX và kết quả triển khai xây dựng HTX kiểu mới. Tổ chức Hội nghị ký kết giao ước thi đua xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; thông báo giá bán lúa giống vụ Đông - Xuân đến các phòng Nông nghiệp, phòng Kinh tế TPTV và các xã, phường, thị trấn.

Tổ chức trực phòng chống thiên tai và theo dõi tình hình thời tiết để tham mưu, xử lý kịp thời. Thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển đặc biệt lúc triều cường dâng cao và thời điểm cuối năm. Tiếp tục triển khai Kế hoạch phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó sự cố thiên tai. Theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả đăng nộp quỹ phòng chống thiên tai.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu tiền cung cấp dịch vụ đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.




**BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
THÁNG 11 NĂM 2017**

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=5/1	7=5/2
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	178.541	209.500	3.510	210.766	118,05%	100,60%
	Cây lương thực có hạt	Ha	131.439	160.300	7.741	212.380	161,58%	132,49%
1.1	Cây lúa	Ha	127.082	154.000	-	158.714	124,89%	103,06%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	77.719	78.000		77.037	99,12%	98,77%
	- Diện tích thu hoạch		70.056	78.000		77.037	109,96%	98,77%
	- Năng suất	Tạ/ha	50,6	53,91		50,11	98,95%	92,95%
	- Sản lượng	tấn	354.741	420.500		386.009	108,81%	91,80%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha	49.362	76.000		81.677	165,46%	107,47%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	695	76.000	6.700	6.700	964,03%	8,82%
	- Năng suất	Tạ/ha	44,00	52,50		44,40	100,91%	84,57%
	- Sản lượng	tấn	30.580	399.000	29.748	29.748	97,28%	7,46%
1.2	Cây màu							
1.2.1	DT gieo trồng	Ha	51.460	55.500	3.510	52.052	101,15%	93,79%
	DT thu hoạch	Ha	44.210	55.500	2.821	44.902	101,57%	80,90%
	Sản lượng	Tấn	1.173.438	1.416.175	107.318	1.184.400	100,93%	83,63%
	Màu lương thực							
	DT gieo trồng	Ha	6.852	9.150	508	6.637	96,87%	72,54%
	DT thu hoạch	Ha	5.962	9.150	366	5.914	99,19%	64,63%
	Sản lượng	Tấn	52.487	75.025	7.741	53.665	102,25%	71,53%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.357	6.300	373,00	4.171,20	95,73%	66,21%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.806	6.300	206	3.710	97,48%	58,89%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,60	54,44	66,04	55,30	103,17%	101,57%
	- Sản lượng	Tấn	20.400	34.300	1.360	20.516	100,57%	59,81%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.139	1.200	63,11	1.173	103,03%	97,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.013	1.200	85	1.075	106,14%	89,58%
	+ Năng suất	Tạ/ha	173,20	160,00	461,12	174,20	100,58%	108,88%
	+ Sản lượng	Tấn	17.542	19.200	3.920	18.727	106,75%	97,53%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	882	1.000	24,66	822	93,21%	82,17%
	+ Diện tích thu hoạch	"	742	1.000	47,00	729	98,30%	72,90%
	+ Năng suất	Tạ/ha	150,10	160,00	472,9	151,20	100,73%	94,50%
	+ Sản lượng	Tấn	11.131	16.000	2.223	11.022	99,02%	68,89%
1.2.2	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	474,00	650	47,03	471	99,37%	72,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	401,60	650	28,00	400	99,60%	61,54%
1.2.3	Cây thực phẩm							
	DT gieo trồng	Ha	28.265	30.000	1.740,9	27.786	98,31%	92,62%
	DT thu hoạch	Ha	23.851	30.000	1.374	23.699	99,36%	79,00%
	Sản lượng	Tấn	555.857	690.000	70.276	551.986	99,30%	80,00%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	27.558	29.200	1.726	27.192	98,67%	93,12%
	+ Diện tích thu hoạch	"	23.186	29.200	1.364	23.150	99,84%	79,28%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	239,30	235,85	514,73	238,00	99,46%	100,91%
	+ Sản lượng	Tấn	554.841	688.680	70.209	550.970	99,30%	80,00%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	707	800	15	594	84,04%	74,29%
	+ Diện tích thu hoạch	"	665	800	10	549	82,61%	68,63%
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,29	1,65	66,6	18,50	120,99%	1121,21%
	+ Sản lượng	Tấn	1.016	1.320	67	1.016	99,95%	76,94%
1.2.4	Cây công nghiệp hàng năm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	12.383	13.000	250	12.239	98,84%	94,15%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	11.012	13.000	292	10.989	99,79%	84,53%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	565.094	651.150	29.302	578.749	102,42%	88,88%
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.572	5.000	115	4.334	94,80%	86,68%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.302	5.000	92,00	4.190	97,39%	83,80%
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,76	52,30	344,26	53,50	101,40%	102,29%
	+ Sản lượng	Tấn	22.698	26.150	3.167	22.417	98,76%	85,72%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.479	5.500	8,12	5.521	100,76%	100,38%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.997	5.500	48	4.999	100,04%	90,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.050	1.091	4.878	1.074	102,25%	98,45%
	+ Sản lượng	Tấn	524.906	600.000	23.413	536.893	102,28%	89,48%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.332	2.500	126,5	2.384	102,23%	95,36%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.713	2.500	152,0	1.800	105,08%	72,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	102,10	102,00	179,1	108,00	105,78%	105,88%
	+ Sản lượng	Tấn	17.490	25.000	2.722	19.440	111,15%	77,76%
1.2.5	Cây trồng khác	Ha	3.960	3.350	1.012,0	5.389	136,09%	160,87%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.960	3.350	1.012,0	5.389	136,09%	160,87%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.385	3.350	789	4.300	127,03%	128,36%
C	CHĂN NUÔI							
	- Tổng đàn trâu	con	807	790		756	93,68%	95,70%
	- Tổng đàn bò	con	205.381	210.000		198.650	96,72%	94,60%
	- Tổng đàn lợn	con	392.487	395.000		340.442	86,74%	86,19%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.181	4.500		4.063	97,18%	90,30%
D	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	213	350	0	20	9,39%	5,71%
	- Chăm sóc rừng	Ha	338	500	213,5	626,5	185,36%	125,30%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5065,83	5.354	0	5164	101,94%	96,45%
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	50	50	0	1,68	3,36%	3,36%
E	DIÊM NGHIỆP							
II	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	42.623	43.000	530	47.199	110,74%	109,77%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	3.459	3.500	443	3.498	101,11%	99,93%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.504,39	2.400	365	2.393,85	95,59%	99,74%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	40	70	1	35	86,56%	49,89%
	Cá lóc	"	304	300	16	275	90,64%	91,81%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	955	1.100	78	1.104	115,58%	100,33%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	955	1.100	78	1.104	115,58%	100,33%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	39.164	39.500	87	43.702	111,59%	110,64%
	- Diện tích nuôi cá							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	38.839	38.500	87	43.034	110,80%	111,78%
	Trong đó: + Tôm sú	"	18.565	18.000	23	24.111	129,87%	133,95%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.081	6.000	64	6.238	102,57%	103,96%
	+ Cua biển	"	14.193	14.500	-	12.685	89,38%	87,49%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	325	1.000	-	668	205,54%	66,80%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	154.448	169.700	16.898	176.279	114,14%	103,88%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	92.283	101.300	11.786	105.175	113,97%	103,83%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	49.692	53.900	8.505	56.496	113,69%	104,82%
	- Sản lượng cá	"	49.320,54	53.200	8.483	55.791,88	113,12%	104,87%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	9.788	10.000	2.846	16.909	172,76%	169,09%
	Cá lóc	"	26.599,0	26.500	3.665	24.932,8	93,74%	94,09%
	- Sản lượng giáp xác	"	371,2	700	23	704,4	189,75%	100,62%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	371,2	700	23	704,4	189,75%	100,62%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	42.591	47.400	3.281	48.679	114,29%	102,70%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	40.741,0	44.700	3.215,6	46.260,2	113,55%	103,49%
	Trong đó: + Tôm sú	"	11.367,5	11.700	968	11.507,4	101,23%	98,35%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	22.321,8	25.000	1.967,61	28.953,2	129,71%	115,81%
	+ Nuôi cua biển	"	7.051,7	8.000	280	5.799,6	82,24%	72,49%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.850,50	2.700	65	2.418,51	130,69%	89,57%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	62.165	68.400	5.112	71.105	114,38%	103,95%
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	52.417	55.700	4.106	60.399	115,23%	108,44%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	21.648	22.500	1.839	25.590	118,21%	113,73%
	- Tôm các loại	Tấn	7.201,5	7.200	580	6.846,7	95,07%	95,09%
	- Thủy sản khác	"	23.568,1	26.000	1.687	27.962,4	118,65%	107,55%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	9.747,5	12.700,0	1.006,1	10.705,6	109,83%	84,30%
	Trong đó: - Cá các loại	"	4.403,3	5.700	523	5.285,7	120,04%	92,73%
	- Tôm các loại	"	3.252	4.000	293	3.135	96,40%	78,37%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.092	3.000	190	2.285	109,21%	76,17%